

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠ KẼM
CÔNG NGHIỆP VINGAL-VNSTEEL

Số: 155/QĐ -VGL.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 10 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính
Công ty cổ phần Mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN MẠ KẼM CÔNG NGHIỆP VINGAL – VNSTEEL

- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel được Đại hội cổ đông thông qua ngày 12 tháng 4 năm 2019.
- Căn cứ vào nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng quản trị.
- Căn cứ vào Tờ trình Hội đồng quản trị số 168/TTr-VGL ngày 23 tháng 10 năm 2019 về việc phê duyệt thông qua quy chế công bố quản lý tài chính Công ty cổ phần Mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành Quy chế quản lý tài chính Công ty cổ phần Mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2019.

Điều 3: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Phòng ban chức năng và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Noi nhận:

- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT, TK Công ty./.



Nguyễn Đức Hiệp

BẢNG THEO DÕI NHỮNG THAY ĐỔI

Ấn bản	Ngày ban hành	Trang sửa đổi	Chữ ký của các đơn vị có liên quan
Lần 01	25/5/2016		
Lần 02	26/10/2019	7, 8, 16, 21, 28, 34 và 35.	

Biên soạn		Kiểm tra		Phê duyệt	
Họ và tên	Chữ ký	Họ và tên	Chữ ký	Họ và tên	Chữ ký
Phạm Thị Phương Thảo		Đỗ Bảo Trọng		Nguyễn Đức Hiệp	
Nguyễn Đại Dương					

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG	3
ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA, GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT.	3
ĐIỀU 2: CÁC CĂN CỨ ÁP DỤNG THEO QUY CHẾ NÀY.....	6
ĐIỀU 3: MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU.....	6
ĐIỀU 4: ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH.....	7
ĐIỀU 5: TƯ CÁCH PHÁP NHÂN CỦA CÔNG TY.....	7
ĐIỀU 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY.....	8
CHƯƠNG II: TỔ CHỨC BỘ MÁY TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN.....	8
ĐIỀU 7: HỆ THỐNG TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN – KIÊM TOÁN CỦA CÔNG TY.....	8
ĐIỀU 8: CHỨC NĂNG – NHIỆM VỤ - QUYỀN HẠN CỦA KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	8
ĐIỀU 9: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI LÀM TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN.....	9
ĐIỀU 10: TIÊU CHUẨN CỦA NGƯỜI LÀM TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN.....	9
CHƯƠNG III: CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH.....	10
ĐIỀU 11: QUYỀN HẠN QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY.....	10
ĐIỀU 12: NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY.....	11
ĐIỀU 13: CÁC NGUYÊN TẮC ĐẦU TƯ – SỬ DỤNG VỐN.....	11
ĐIỀU 14: QUẢN LÝ ĐẦU TƯ – SỬ DỤNG VỐN.....	11
ĐIỀU 15: VỐN ĐIỀU LỆ.....	14
ĐIỀU 16: BẢO TOÀN VỐN.....	15
ĐIỀU 17: HUY ĐỘNG VỐN THÔNG QUA THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH	15
ĐIỀU 18: PHÂN CẤP THẨM QUYỀN ĐẦU TƯ – MUA SẮM, CHUYÊN NHƯỢNG TÀI SẢN.....	16
ĐIỀU 19: PHÂN CẤP QUẢN LÝ SỬ DỤNG VỐN VÀ TÀI SẢN.....	16
ĐIỀU 20: CHO THUÊ, CÀM CỐ, THẺ CHẤP TÀI SẢN.....	17
ĐIỀU 21: ĐẦU TƯ MUA SẮM VÀ NHƯỢNG BÁN TÀI SẢN	18
ĐIỀU 22: THANH LÝ TÀI SẢN.....	20
ĐIỀU 23: SỬA CHỮA TÀI SẢN CÓ ĐỊNH.....	20
ĐIỀU 24: ĐÁNH GIÁ LẠI TÀI SẢN.....	21
ĐIỀU 25: TRÍCH VÀ SỬ DỤNG KHẨU HAO TÀI SẢN CÓ ĐỊNH.	21
ĐIỀU 26: XỬ LÝ TỒN THẤT TÀI SẢN.	22
ĐIỀU 27: QUẢN LÝ CÔNG NỢ VÀ TẠM ỦNG NỘI BỘ.	23
ĐIỀU 28: XÁC ĐỊNH DOANH THU, THU NHẬP.....	24
ĐIỀU 29: XÁC ĐỊNH CHI PHÍ.....	24
ĐIỀU 30: QUẢN LÝ CHI PHÍ.....	25
ĐIỀU 31: PHÂN CẤP THẨM QUYỀN DUYỆT CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN ..	31
ĐIỀU 32: LỢI NHUẬN.....	31
ĐIỀU 33: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	32
ĐIỀU 34: XỬ LÝ KINH DOANH THUA LỖ.....	33
ĐIỀU 35: TRẢ CÔ TỨC.	34
CHƯƠNG IV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	35
ĐIỀU 36: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	35

CHƯƠNG I: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA, GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT.

1. Định nghĩa và giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- **Doanh nghiệp** là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.
- **Kinh doanh** là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi.
- **Góp vốn** là việc đưa tài sản vào công ty để trở thành chủ sở hữu chung của công ty. Tài sản góp vốn có thể là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác ghi trong Điều lệ công ty do thành viên góp để tạo thành vốn của công ty.
- **Phản vốn góp** là tỷ lệ vốn mà chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu chung của công ty góp vào vốn điều lệ.
- **Vốn điều lệ** là số vốn do các thành viên, cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ công ty.
- **Vốn có quyền biểu quyết** là phần vốn góp hoặc cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- **Cổ tức** là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của doanh nghiệp sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
- **Cổ đông** là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của công ty cổ phần.
- **Cổ đông sáng lập** là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của công ty cổ phần.

- **Người quản lý doanh nghiệp** là chủ sở hữu, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh công ty hợp danh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác do Điều lệ công ty quy định.
- **Người đại diện theo ủy quyền** là cá nhân được thành viên, cổ đông của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần uỷ quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại công ty theo Luật định.
- **Tổ chức lại doanh nghiệp** là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi doanh nghiệp.
- **Người có liên quan** là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:
 - a. Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con;
 - b. Công ty con đối với công ty mẹ;
 - c. Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua các cơ quan quản lý doanh nghiệp;
 - d. Người quản lý doanh nghiệp;
 - e. Vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý doanh nghiệp hoặc của thành viên sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
 - f. Cá nhân được uỷ quyền đại diện cho những người quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này;
 - g. Doanh nghiệp trong đó những người quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f và h khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;
 - h. Nhóm người thoả thuận cùng phối hợp để thâu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.
- **Giá thị trường của cổ phần** là giá giao dịch trên thị trường chứng khoán hoặc giá do một tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định.

- **Kế toán** là việc thu nhập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động.
- **Kế toán tài chính** là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính bằng báo cáo tài chính cho đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin của Công ty.
- **Kế toán quản trị** là việc thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính theo yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính trong nội bộ Công ty.
- **Nghiệp vụ kinh tế, tài chính** là những hoạt động phát sinh cụ thể làm tăng, giảm tài sản, nguồn hình thành tài sản của Công ty.
- **Công ty** là đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều 2 của Luật Kế toán có lập báo cáo tài chính.
- **Kỳ kế toán** là khoảng thời gian xác định từ thời điểm Công ty bắt đầu ghi sổ kế toán đến thời điểm kết thúc việc ghi sổ kế toán, khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính.
- **Chứng từ kế toán** là những giấy tờ và vật mang tin phản ánh nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh và đã hoàn thành, làm căn cứ ghi sổ kế toán.
- **Tài liệu kế toán** là chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị, báo cáo kiểm toán, báo cáo kiểm tra kế toán và tài liệu khác có liên quan đến kế toán.
- **Chế độ kế toán** là những quy định và hướng dẫn về kế toán trong một lĩnh vực hoặc một số công việc cụ thể do cơ quan quản lý nhà nước về kế toán hoặc tổ chức được cơ quan quản lý nhà nước về kế toán ủy quyền ban hành.
- **Kiểm tra kế toán** là xem xét, đánh giá việc tuân thủ pháp luật về kế toán, sự trung thực, chính xác của thông tin, số liệu kế toán.
- **Hành nghề kế toán** là hoạt động cung cấp dịch vụ kế toán của doanh nghiệp hoặc cá nhân có đủ tiêu chuẩn, điều kiện thực hiện dịch vụ kế toán.
- **Hình thức kế toán** là các mẫu sổ kế toán, trình tự, phương pháp ghi sổ và mối liên quan giữa các sổ kế toán.



- *Phương pháp kế toán* là cách thức và thủ tục cụ thể để thực hiện từng nội dung công việc kế toán.

2. Định nghĩa một số từ ngữ viết tắt, chức danh

Các luật	gồm: Luật Doanh Nghiệp, Luật Lao Động, Luật Thương Mại, Luật Kế Toán, Luật Thuế, các Pháp lệnh trên và các văn bản hướng dẫn dưới luật hoặc văn bản liên quan đến các luật này;
Điều lệ	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
ĐHCĐ	Đại Hội Cổ Đông
HĐQT	Hội Đồng Quản Trị
BKS	Ban Kiểm Soát
TGD	Tổng Giám Đốc
GD	Giám Đốc
KT	Kế toán trưởng
CBCNV	Người lao động trong công ty.

ĐIỀU 2: CÁC CĂN CỨ ÁP DỤNG THEO QUY CHẾ NÀY.

1. Luật doanh nghiệp; Luật Kế toán; Các Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt vv... và các hướng dẫn kèm theo;
2. Luật thương mại;
3. Các chuẩn mực kế toán và kiểm toán - Các quy định về tài chính của Nhà nước đã ban hành mà đến thời điểm Quy chế này ban hành vẫn còn hiệu lực;
4. Điều lệ Công ty;

ĐIỀU 3: MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU.

1. Quy chế này nhằm xác lập các nguyên tắc quản lý tài chính – kế toán, thống nhất và cụ thể hóa các chính sách, chế độ, thủ tục có liên quan đến tài chính – kế toán của Công ty.
2. Quy chế này là một văn bản nằm trong sự điều chỉnh của quy chế tổ chức quản lý Công ty nhằm cụ thể hóa hoạt động quản trị. Trong các trường hợp cụ thể, các quy

định trong quy chế này không phủ nhận các quy định có liên quan trong quy chế chung của Công ty. Trong thực tế thi hành, nếu có phát hiện một Điều, Khoản nào đó không thống nhất với quy chế chung của Công ty thì sử dụng quy chế chung của Công ty làm chuẩn mực để điều chỉnh hành vi trong trường hợp đó.

3. Mọi phân cấp thẩm quyền quyết định tài chính phải tuân thủ theo Điều lệ hoạt động công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/4/2019.

ĐIỀU 4: ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH.

Quy chế này quy định việc quản lý tài chính đối với Công ty cổ phần Mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel.

ĐIỀU 5: TƯ CÁCH PHÁP NHÂN CỦA CÔNG TY.

Công ty Cổ phần Mạ kẽm công nghiệp Vingal - Vnsteel là một Công ty cổ phần, trong đó:

1. Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần;
2. Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là ba và không hạn chế số lượng tối đa;
3. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp;
4. Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật Doanh nghiệp.
5. Có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
6. Có quyền phát hành chứng khoán các loại để huy động vốn.
7. Công ty là một pháp nhân độc lập, được đăng ký kinh doanh dưới hình thức Công ty cổ phần, có tên riêng, có tài sản riêng, có trụ sở giao dịch theo luật định nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.

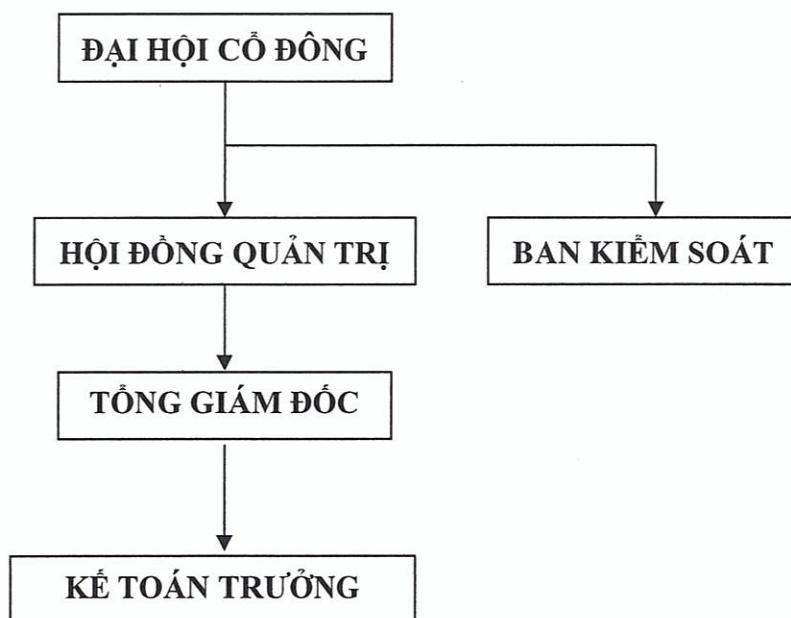
ĐIỀU 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY.

1. Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty phải lập báo cáo tài chính theo quy định và tài liệu báo cáo khác theo quy định của pháp luật.
2. Các báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hàng năm của công ty phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty

CHƯƠNG II: TỔ CHỨC BỘ MÁY TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN

ĐIỀU 7: HỆ THỐNG TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN CỦA CÔNG TY.

Bộ máy quản lý tài chính – kế toán của Công ty được tổ chức như sau:



ĐIỀU 8: CHỨC NĂNG – NHIỆM VỤ - QUYỀN HẠN CỦA KẾ TOÁN TRƯỞNG.

1. KTT có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán trong Công ty theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Luật Kế toán.
2. KTT chịu sự lãnh đạo của người đại diện theo pháp luật của công ty.
3. Trường hợp công ty cử người phụ trách kế toán tạm thay KTT thì người phụ trách kế toán phải có các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Kế toán và phải thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền quy định cho KTT.
4. Tiêu chuẩn và điều kiện của KTT:
 - a. Các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Kế toán ;

- b. Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ bậc đại học trở lên;
- c. Thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 5 năm.
- d. Người làm KTT phải có chứng chỉ qua lớp bồi dưỡng kế toán trưởng.

5. Trách nhiệm và quyền của KTT.

5.1 KTT có trách nhiệm:

- a. Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong Công ty;
- b. Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật kế toán;
- c. Kiểm tra giám sát mọi hoạt động của công ty thông qua đồng tiền.
- d. Lập báo cáo tài chính.

5.2 KTT có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán.

ĐIỀU 9: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI LÀM TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN.

- 1. Người làm tài chính, kế toán có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán.
- 2. Người làm tài chính, kế toán có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; thực hiện các công việc được phân công và chịu trách nhiệm về chuyên môn, nghiệp vụ của mình. Khi thay đổi người làm tài chính, kế toán, người làm tài chính, kế toán cũ phải có trách nhiệm bàn giao công việc và tài liệu tài chính, kế toán cho người mới. Người làm tài chính, kế toán cũ phải chịu trách nhiệm về công việc tài chính, kế toán trong thời gian mình phụ trách.
- 3. Những người không được làm tài chính, kế toán.
 - a. Người chưa thành niên; người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự; người đang bị quản chế hành chính.
 - b. Người đang bị cấm hành nghề, cấm làm tài chính, kế toán theo bản án hoặc quyết định của Tòa án; người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; người đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc đã bị kết án về một trong các tội về kinh tế, về chức vụ liên quan đến tài chính, kế toán mà chưa được xóa án tích.
 - c. Thủ kho, người mua, bán tài sản trong cùng một Công ty.

ĐIỀU 10: TIÊU CHUẨN CỦA NGƯỜI LÀM TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN.

- 1. Người làm tài chính - kế toán phải có các tiêu chuẩn sau đây:

- a. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành;
 - b. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán.
2. Nghiêm cấm mọi hành vi gian lận, lừa đảo, trộm cắp.
 3. Nghiêm cấm vì lợi ích cá nhân để đặt mình vào vị trí cạnh tranh, gây xung đột quyền lợi với Công ty.
 4. Nghiêm cấm sự lợi dụng ảnh hưởng công việc để cấu kết với đối tượng có liên quan nhằm trực lợi cá nhân.
 5. Phải tôn trọng thương hiệu, logo, biểu trưng của Công ty – tôn trọng các thành quả của đồng nghiệp, cấp trên, nhân viên thuộc cấp.
 6. Phải giữ uy tín cá nhân, uy tín của Công ty – tôn trọng những lời hứa, những cam kết với khách hàng, với đồng nghiệp, cấp trên, nhân viên thuộc cấp.
 7. Không được phép tiết lộ các thông tin về tài liệu tài chính – kế toán - kiểm toán, hợp đồng kinh tế, bí mật công nghệ, hướng đầu tư phát triển của Công ty.

CHƯƠNG III: CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH

ĐIỀU 11: QUYỀN HẠN QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY.

1. Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ các nhu cầu trong kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn, phát triển và sinh lợi nhuận;
2. Phát hành, chuyển nhượng, mua bán cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật; được thế chấp tài sản; giá trị quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty tại các ngân hàng, các tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế- xã hội, cá nhân trong nước và ngoài nước để vay vốn kinh doanh, vay vốn đầu tư theo quy định của pháp luật;
3. Quyết định sử dụng và phân phối lợi nhuận còn lại cho các cổ đông và người lao động sau khi đã làm đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHCĐ;
4. Được hưởng các chế độ ưu đãi về thuế theo quy định của Nhà nước.



ĐIỀU 12: NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY.

1. Thực hiện đúng các chế độ và các quy định về đầu tư, quản lý vốn, tài sản và các quỹ; hạch toán kế toán, thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác của các báo cáo tài chính của Công ty;
2. Thực hiện các khoản phải thu và các khoản phải trả ghi trong Bảng cân đối kế toán của Công ty tại thời điểm thành lập;
3. Công bố công khai các thông tin và báo cáo tài chính hàng năm theo luật định; đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của Công ty;
4. Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo luật định
5. Công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp.

ĐIỀU 13: CÁC NGUYÊN TẮC ĐẦU TƯ – SỬ DỤNG VỐN.

Công ty phải tuân thủ những nguyên tắc tài chính cơ bản nêu sau:

1. Bảo toàn vốn – tiết kiệm – hiệu quả.
2. Phân kỳ đầu tư, nhưng đầu tư ban đầu thích đáng đủ cho phép hoạt động bình thường.
3. Đa dạng hóa đầu tư – phân tán rủi ro; đồng thời phải bảo đảm đầu tư với quy mô tối hảo.
4. Ưu tiên đầu tư vào loại tài sản có tính thanh khoản cao.
5. Mọi hoạt động chỉ nên triển khai khi nắm chắc khả năng tài chính, làm chủ tình hình tài chính.

ĐIỀU 14: QUẢN LÝ ĐẦU TƯ – SỬ DỤNG VỐN.

1. Ngân sách kinh doanh hàng năm:

- a. Ngân sách hàng năm là khoản chi phí hoạt động trong kỳ của công ty.
- b. HĐQT quyết định ngân sách hàng năm tương ứng với mục tiêu chiến lược hoạt động của công ty. HĐQT phải có trách nhiệm báo cáo và giải trình về việc sử dụng ngân sách với ĐHCĐ.

- c. Ngân sách phải được sử dụng trên nguyên tắc tiết kiệm – hiệu quả. TGĐ Công ty chịu trách nhiệm chính trong việc sử dụng ngân sách Công ty.
- d. Ngân sách hoạt động của công ty được cân đối dựa trên mối quan hệ tương quan giữa kế hoạch hoạt động và khả năng tài chính của công ty.
- e. Bộ phận Tài chính – Kế toán có trách nhiệm hỗ trợ, kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của công ty; báo cáo định kỳ tình hình sử dụng ngân sách của công ty cho TGĐ Công ty. Khi phát hiện những sai sót trong việc sử dụng ngân sách hàng năm TGĐ Công ty phải trình lên HĐQT xem xét và xử lý.
- f. TGĐ Công ty có thẩm quyền quản lý và sử dụng ngân sách và phải chịu trách nhiệm về các khoản chi vào quá trình hoạt động. Đối với các khoản chi lớn phải có sự phê duyệt theo phân cấp thẩm quyền tại quy chế này.
- g. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý, chi phí quảng cáo, khuyến mãi chỉ được chiếm một tỷ lệ hợp lý trên doanh thu công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đầu tư chiều sâu cho hoạt động kinh doanh chính:

- a. HĐQT quyết định phương án đầu tư chiều sâu cho hoạt động chính của công ty. TGĐ Công ty chịu trách nhiệm thực thi quyết định này.
- b. Trước khi đầu tư, các bộ phận chức năng phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo dự án đầu tư để trình HĐQT xem xét quyết định; tham mưu cho HĐQT xem xét, quyết định thực hiện Dự án đầu tư tuân thủ theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng. Dự án đầu tư cần phải được các Phòng chức năng xem xét, thẩm định và trình HĐQT phê duyệt nhằm đảm bảo các nguyên tắc đầu tư đã nêu tại quy chế này và không làm ảnh hưởng đến mục tiêu hoạt động của Công ty.
- c. Vốn đầu tư chiều sâu cho hoạt động hiện hành có thể huy động từ các khoản vay, tín dụng thương mại, leasing (tín dụng thuê mua), phát hành cổ phiếu, trái phiếu theo quyết định của HĐQT.
- d. Trong quá trình thực hiện đầu tư, TGĐ Công ty có trách nhiệm theo dõi chặt chẽ và báo cáo định kỳ quá trình đầu tư cho HĐQT cho đến khi hoàn thành dự án.

e. TGĐ Công ty chịu trách nhiệm trong việc nghiên cứu, triển khai các dự án hay ủy quyền cho người khác triển khai nhưng phải trực tiếp chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHCĐ về kết quả thực hiện dự án.

f. Khi tiến hành dự án đầu tư phải đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả không gây ảnh hưởng đến vấn đề giá cả, chi phí sản xuất của công ty nhằm giữ vị thế cạnh tranh trên thị trường.

3. Đầu tư mở rộng vào những hoạt động kinh doanh mới:

Công ty được phép tiến hành đầu tư mở rộng vào các hoạt động kinh doanh mới như:

3.1. Đầu tư vào thị trường tài chính:

a. Công ty được sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi vào việc mua cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các giấy tờ có giá khác.

b. Đầu tư tài chính cũng phải đảm bảo các nguyên tắc đầu tư đã nêu tại Điều 15 của quy chế này và không làm ảnh hưởng đến mục tiêu hoạt động của công ty.

c. HĐQT quyết định việc đầu tư vào thị trường tài chính và chịu trách nhiệm giải trình trước ĐHCĐ. TGĐ có trách nhiệm thực thi các quyết định này.

d. TGĐ có trách nhiệm nghiên cứu để đề xuất HĐQT và TGĐ các cơ hội đầu tư cũng như phương thức tiến hành đầu tư vào thị trường tài chính.

e. Việc mua bán các giấy tờ có giá này phải được sự ủy quyền của Chủ tịch HĐQT để xác lập các quyền hạn và đảm bảo tính linh hoạt trong các quyết định đầu tư. Người được ủy quyền chỉ chịu trách nhiệm và quyền hạn trong phạm vi được ủy quyền. Trong trường hợp thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho công ty thì phải chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình.

3.2. Đầu tư dự án mới - Đầu tư liên doanh - liên kết vào các doanh nghiệp khác:

a. Khi tiến hành những hoạt động đầu tư này, công ty cũng phải đảm bảo các nguyên tắc đầu tư đã nêu tại Điều 15 của quy chế này, đồng thời không làm ảnh hưởng đến mục tiêu hoạt động của bản thân công ty; đồng thời không vì lợi ích riêng của một cá nhân hay nhóm thành viên trong hoặc ngoài công ty. Trong trường hợp do quyết định mà gây ảnh hưởng làm thiệt hại đến công ty, HĐQT phải chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ.

- b. Công ty không được phép đầu tư vào các công ty khác do bố, mẹ, vợ, chồng, con của Chủ tịch HĐQT, TGĐ là người quản lý và điều hành.
- c. Ban Kiểm soát, bộ phận kiểm toán nội bộ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn đầu tư ra bên ngoài và báo cáo định kỳ tình hình hoạt động đầu tư của công ty cho HĐQT.
- d. HĐQT hoặc TGĐ phải cử người trực tiếp quản lý phần vốn góp hay quản lý đơn vị mà công ty mới mua lại hay thành lập.
- e. Khi tiến hành quyết định đầu tư, TGĐ phải lập dự án hay báo cáo nghiên cứu khả thi trình HĐQT xem xét, quyết định. Thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Điều lệ Công ty.
- f. Đối với những dự án đầu tư lớn, mang tính chiến lược, hay ảnh hưởng đến sự sống còn của Công ty thì đòi hỏi phải có sự biểu quyết của ĐHCĐ trước khi triển khai thực hiện.
- g. Người được ủy quyền phải có trách nhiệm quản lý phần vốn để tạo ra lợi ích hợp pháp cho công ty. Trong trường hợp gây thất thoát vốn vì lý do cá nhân thì phải chịu trách nhiệm bồi thường do quyết định của HĐQT theo luật định.

ĐIỀU 15: VỐN ĐIỀU LỆ.

1. Vốn điều lệ của Công ty được xác định tại thời điểm thành lập;
2. Việc tăng, giảm Vốn điều lệ do ĐHCĐ quyết định và phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định hiện hành về thủ tục và thời hạn đăng ký.
3. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động đầu tư và kinh doanh như:
 - a. Xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định, trang thiết bị mở rộng quy mô hoạt động của Công ty;
 - b. Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ;
 - c. Mua cổ phần, trái phiếu, góp vốn liên doanh và đầu tư khác ra ngoài doanh nghiệp;
 - d. Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản;
 - e. Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Công ty;



- Không được sử dụng Vốn điều lệ để chia cho cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp ĐHCĐ quyết định khác, không trái pháp luật).

ĐIỀU 16: BẢO TOÀN VỐN.

Công ty có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn theo các quy định dưới đây:

- Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước.
- Mua bảo hiểm tài sản có nguyên giá từ 10% vốn điều lệ trở lên. Các tài sản có nguyên giá dưới 10% vốn điều lệ theo quy định của pháp luật
- Xử lý kịp thời giá trị tài sản tồn thắt, các khoản nợ không có khả năng thu hồi và trích lập các khoản dự phòng rủi ro sau đây theo đúng các quy định hiện hành:
 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: là khoản giảm giá vật tư, hàng hóa tồn kho dự kiến xảy ra trong kỳ kinh doanh tiếp theo;
 - Dự phòng các khoản công nợ phải thu khó đòi: là các khoản phải thu dự kiến không thu được trong kỳ kinh doanh tiếp theo do khách nợ không có khả năng thanh toán;
 - Dự phòng các khoản giảm giá chứng khoán trong hoạt động tài chính;
 - Dự phòng các khoản giảm giá giữa đồng Việt Nam so với các ngoại tệ khác theo phương pháp đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm;

ĐIỀU 17: HUY ĐỘNG VỐN THÔNG QUA THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

- Công ty có quyền phát hành, chuyển nhượng, mua bán cổ phiếu, trái phiếu, kinh doanh tài chính tiền tệ theo quy định của pháp luật; được thế chấp tài sản, giá trị quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty tại các ngân hàng, các tổ chức tín dụng, các tổ chức kinh tế- xã hội, các cá nhân trong nước và ngoài nước để vay vốn kinh doanh, vay vốn đầu tư theo quy định của pháp luật;
- Công ty có quyền tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán ở thời điểm thích hợp, được ĐHCĐ thông qua.

ĐIỀU 18: PHÂN CẤP THẨM QUYỀN ĐẦU TƯ – MUA SẮM, CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN.

Các quyết định đầu tư, mua sắm, chuyển nhượng tài sản, huy động vốn chỉ được thực hiện bởi các cấp có thẩm quyền sau đây:

Cấp có thẩm quyền	Hạn mức duyệt chi
Đại hội cổ đông	Trên 35% tổng giá trị tài sản được ghi trên Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
Hội đồng quản trị	Trên 500 triệu đến 35% tổng giá trị tài sản được ghi trên Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty các dự án đầu tư không thuộc kế hoạch, các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm
TGD	Từ 500 triệu đồng trở xuống Tổng giám đốc quyết định và thực hiện.

ĐIỀU 19: PHÂN CẤP QUẢN LÝ SỬ DỤNG VỐN VÀ TÀI SẢN.

1. Công ty thực hiện chế độ quản lý nguồn vốn tập trung về tài sản: DHCĐ giao tài sản cho Công ty quản lý và sử dụng, Công ty có trách nhiệm trích khấu hao cơ bản theo quy định của pháp luật hiện hành. Ngoài ra, Công ty được quyền mua sắm, xây dựng tài sản cố định nhưng phải được HĐQT phê duyệt dự toán, quyết toán công trình theo phân cấp trong Quy chế này.
2. Công ty được vay vốn để đầu tư, mua sắm tài sản cố định khi có trong kế hoạch, có phương án kinh doanh, có bộ hồ sơ xây dựng cơ bản, mua sắm; có đủ các thủ tục về xây dựng cơ bản, mua sắm theo quy chế này.
3. Công ty được vay vốn hoạt động (vốn lưu động để mua vật tư, hàng hóa) và đầu tư, sửa chữa, mua sắm công cụ, dụng cụ hàng năm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Khi Công ty cân đối khả năng nguồn vốn và thứ tự ưu tiên theo kế hoạch chung.
 - b. Được ghi trong kế hoạch đầu tư, sửa chữa, mua sắm hàng năm được HĐQT duyệt.

- c. Không còn nợ đọng quá hạn trước khi vay vốn hoặc trong năm tài chính liền kề, không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn ghi trong hợp đồng hoặc các vi phạm các điều khoản khác của hợp đồng.
4. Việc bảo trì, duy tu, sửa chữa nhỏ, sửa chữa thường xuyên hoặc đột xuất do Tổng giám đốc quyết định.
5. Công ty phải có trách nhiệm bảo quản tài sản không được tự ý nhượng bán, thanh lý, cho thuê, cầm cố, thế chấp, cho mượn, đem gửi, hay sửa chữa làm thay đổi hình thức, kết cấu, tính năng của tài sản mà không có sự đồng ý của HĐQT.
6. Về phạm vi quản lý và sử dụng: tài sản của Công ty bao gồm tài sản tại khói Văn phòng và các xưởng sản xuất. Tài sản hiện hữu tại Công ty do Công ty trang bị hay mua sắm cũng được xem là tài sản chung của Công ty, được quản lý và sử dụng như khoản 1 điều này.
7. Không ai được lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác.

ĐIỀU 20: CHO THUÊ, CÀM CỐ, THẾ CHẤP TÀI SẢN.

1. Công ty có quyền cho các tổ chức, cá nhân thuê hoạt động các tài sản cố định thuộc quyền sở hữu để nâng cao hiệu suất sử dụng, tăng thu nhập, nhưng phải đảm bảo theo các quy định của pháp luật và có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, theo dõi, thu hồi tài sản khi hết hạn cho thuê .

Công ty và bên thuê tài sản phải lập hợp đồng thuê tài sản cố định trong đó nói rõ loại tài sản, thời gian thuê, số tiền thuê phải trả và trách nhiệm của các bên tham gia hợp đồng... khi giao nhận tài sản cố định phải lập biên bản về tình trạng tài sản cố định, trách nhiệm các bên và có biện pháp xử lý những hư hỏng, mất mát tài sản cố định.

2. Công ty được đem tài sản thuộc quyền sở hữu để cầm cố, thế chấp vay hay bảo lãnh theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Nếu tài sản đem cầm cố thế chấp không thuộc sở hữu của Công ty thì phải được chủ sở hữu đồng ý bằng văn bản. Việc cầm cố thế chấp phải tuân thủ nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.



3. Công ty được quyền thuê tài sản dưới hình thức thuê tài chính hoặc thuê hoạt động bằng các hợp đồng cụ thể và Công ty phải tuân thủ các chế độ về giữ gìn, khai thác hiện vật của tài sản cũng như chế độ tài chính của các hình thức thuê này.
4. Công ty không được đem cầm cố, thế chấp các tài sản đi mượn, đi thuê, nhận giữ hộ của các cá nhân, doanh nghiệp khác nếu chưa được sự đồng ý của chủ sở hữu những tài sản đó. Trường hợp những tài sản cầm cố, thế chấp của các cá nhân, doanh nghiệp khác đã quá hạn theo cam kết thì xử lý theo pháp luật quy định.
5. Những tài sản của Công ty đem cầm cố, thế chấp, cho thuê, đi thuê phải do HĐQT xem xét, quyết định và phải có chứng từ, tài liệu chứng minh, tổng hợp và giải trình trong các báo cáo tài chính hàng năm.

ĐIỀU 21: ĐẦU TƯ MUA SẮM VÀ NHUỢNG BÁN TÀI SẢN

1. Cố đông có liên quan đến quyền lợi bên đối tác ký Hợp đồng không được biểu quyết. Thành viên HĐQT có liên quan đến bên đối tác ký hợp đồng không có quyền biểu quyết
2. Sau khi ĐHCĐ duyệt chủ trương, HĐQT giao nhiệm vụ cho TGĐ lập kế hoạch và tổ chức thực hiện việc đầu tư, mua sắm tài sản;
3. TGĐ Công ty có trách nhiệm chỉ đạo các bộ phận chức năng lập kế hoạch toàn bộ công tác đầu tư gồm: đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa tài sản và đầu tư tài chính của Công ty; TGĐ được chọn đối tác thực hiện, TGĐ được thực hiện công tác duyệt các dự toán, thiết kế và quyết toán của các dự án đầu tư, công trình đã được ĐHCĐ hay HĐQT thông qua.
4. TGĐ được quyền lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch về việc đầu tư, mua sắm, trang bị, duy tu, sửa chữa đối với tài sản cố định còn lại sau phần tài sản cố định thuộc trách nhiệm của ĐHCĐ và HĐQT nêu trên; những nội dung và danh mục đầu tư đã được HĐQT và ĐHCĐ duyệt giao cho TGĐ Công ty chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, chỉ đạo các bộ phận chức năng thực hiện cụ thể. Riêng đối với tài sản là công cụ dụng cụ, những tài sản thuộc vật tư, hàng hóa để phục vụ trong quá trình hoạt động, đều thuộc trách nhiệm lập mua sắm và sửa chữa của TGĐ.

5. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện công tác đầu tư, mua sắm tài sản thuộc thẩm quyền của TGĐ, HĐQT hoặc ĐHCĐ nhưng đều do TGĐ chịu trách nhiệm tổ chức và thực hiện.

6. Đầu tư trực tiếp: bao gồm đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư bất động sản, mua sắm tài sản cố định và các loại đầu tư, khôi phục lại năng lực của tài sản cố định như: nâng cấp, sửa chữa tài sản cố định .v.v... đều gọi tắt là dự án đầu tư. Căn cứ vào tình hình hoạt động của những năm trước, kế hoạch hoạt động - đầu tư của năm kế hoạch và chiến lược phát triển dài hạn của Công ty đã được ĐHCĐ thông qua, TGĐ xây dựng kế hoạch trình HĐQT phê duyệt. Những dự án đầu tư đã được duyệt trong các Nghị quyết của HĐQT và được HĐQT giao nhiệm vụ thực hiện cụ thể danh mục trong kế hoạch về đầu tư, mua sắm, trang bị mới tài sản cố định; sau khi đầu tư xong, nhanh chóng đưa TSCĐ vào phục vụ cho hoạt động. Cụ thể:

- a. Thực hiện các hợp đồng kinh tế về dự án đầu tư do TGĐ ký, thực hiện quyết toán công trình theo nội dung hoặc cho những loại tài sản đã được phân cấp trên đây của điều này;
- b. Những tài sản đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm và nhượng bán tài sản có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên phải được HĐQT ra Nghị quyết giao cho TGĐ thực hiện.
- c. Việc cải tạo, duy tu, sửa chữa công cụ dụng cụ cũng được áp dụng tương tự như việc đầu tư mua sắm TSCĐ như quy định cụ thể dưới đây.
- d. KTT thực hiện việc giám sát và quản lý kinh phí các dự án đầu tư, các công trình xây dựng cơ bản, các công trình nâng cấp, duy tu, sửa chữa theo tiêu chuẩn quy định hiện hành để đảm bảo yêu cầu về chất lượng.
- e. Việc tổ chức thực hiện giám sát hay quản lý dự án: KTT có thể thực hiện trực tiếp hoặc được Công ty cho tổ chức đấu thầu, chỉ định đấu thầu để thuê một phần hay trọn gói cho những dự án cụ thể.
- f. Các hợp đồng kinh tế, hợp đồng thương mại, các quyết định chọn công ty tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát... chọn thầu, khảo sát thiết kế và thi công, chọn công ty kiểm toán độc lập thuộc lĩnh vực đầu tư, mua sắm, sửa chữa theo chức năng, nhiệm vụ sẽ do TGĐ ký kết sau khi KTT đã ký tắt. Các hợp đồng này trước khi được ký

kết phải có các chủ trương (Nghị quyết, Quyết định) để chọn đối tác thuộc thẩm quyền trách nhiệm của các cấp đã ghi ở các điều khoản trong Quy chế này; việc đầu tư mua sắm nếu thuộc thẩm quyền trách nhiệm của các cấp nào thì cấp đó được ra quyết định chọn thuê đối tác. Việc chọn thầu, đấu thầu, chọn các Công ty đối tác thiết kế, tư vấn giám sát... phải tuân thủ theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Luật Xây dựng và Luật đấu thầu.

ĐIỀU 22: THANH LÝ TÀI SẢN

1. Tài sản thanh lý là những tài sản kém, mất phẩm chất, hư hỏng không có khả năng phục hồi; tài sản lạc hậu kỹ thuật không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả và không thể nhượng bán nguyên trạng.
2. Khi thanh lý tài sản (có giá trị thu hồi hay dỡ bỏ, hủy), Hội đồng thanh lý tài sản của Công ty phải lập biên bản đánh giá, xác định tỷ lệ khôi lượng và giá trị thu hồi, thông báo công khai và tổ chức bán đấu giá. Phụ tùng, phế liệu thu hồi từ tài sản thanh lý nếu sử dụng lại cũng được đánh giá như trên.
3. Phân cấp thanh lý tài sản: tương tự như đối với việc chuyển nhượng tài sản;
4. Khoản chênh lệch giữa số tiền thu được do thanh lý tài sản với giá trị còn lại của tài sản và chi phí thanh lý (nếu có) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khác của Công ty.
5. Việc thanh lý tài sản phải có chứng từ tài liệu chứng minh, tổng hợp giải trình trong báo cáo tài chính hàng năm và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm của Công ty đã được ĐHCĐ thông qua.

ĐIỀU 23: SỬA CHỮA TÀI SẢN CỐ ĐỊNH.

1. Đầu năm kế hoạch, TGĐ Công ty chủ động rà soát, kiểm tra các tài sản đang hoạt động, có kế hoạch, dự toán sửa chữa TSCĐ để phục hồi lại năng lực hoạt động trình HĐQT phê duyệt.
2. Phân cấp sửa chữa TSCĐ:

- a. Dự toán chi phí sửa chữa tài sản cố định dưới 1 tỷ đồng cho một lần sửa chữa, TGĐ chủ động tổ chức thực hiện, sau khi công trình hoàn thành bàn giao được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ;
- b. Dự toán chi phí sửa chữa tài sản cố định bằng hoặc lớn hơn 1 tỷ đồng cho một lần sửa chữa do HĐQT duyệt chủ trương sau đó TGĐ ký hợp đồng kinh tế và tổ chức thực hiện. Những thành viên trong HĐQT có liên quan đến bên đối tác ký kết hợp đồng không có quyền biểu quyết.

Sau khi hoàn thành công việc sửa chữa tài sản cố định, phải lập Hội đồng nghiệm thu và lập biên bản nghiệm thu tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.

Trường hợp việc sửa chữa tài sản cố định không nằm trong kế hoạch hàng năm đã được HĐQT phê duyệt, TGĐ được quyết định và chịu trách nhiệm sửa chữa tài sản cố định có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 300 triệu đồng.

ĐIỀU 24: ĐÁNH GIÁ LẠI TÀI SẢN.

1. Công ty thực hiện việc đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:
 - a. Kiểm kê đánh giá lại tài sản theo nghị quyết của ĐHCĐ;
 - b. Dùng tài sản để góp vốn liên doanh, liên kết, góp vốn vào doanh nghiệp khác; tài sản đem cầm cố, thế chấp, cho thuê;
 - c. Điều chỉnh giá để đảm bảo giá trị thực tế tài sản của Công ty so với thị trường.
 - d. Khoản chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại được ghi tăng hoặc giảm Vốn điều lệ của Công ty.
2. Việc đánh giá lại tài sản do HĐQT quyết định.

Việc thực hiện các công tác, mua sắm, nhượng bán, thanh lý, kiểm kê, nghiệm thu công trình, sửa chữa, đánh giá lại tài sản... trên đây bắt buộc phải thông qua HĐQT.

ĐIỀU 25: TRÍCH VÀ SỬ DỤNG KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH.

1. Trích khấu hao cơ bản tài sản cố định: (xem mục chi phí khấu hao cơ bản tài sản cố định của Quy chế này).
2. Sử dụng nguồn khấu hao cơ bản tài sản cố định:

- a. Toàn bộ nguồn vốn do trích khấu hao cơ bản tài sản cố định được dùng để tái đầu tư, thay thế, đổi mới tài sản cố định và sử dụng cho nhu cầu đầu tư, sửa chữa và kinh doanh khác (nếu cần). Nếu sử dụng cho sửa chữa và kinh doanh khác phải do HĐQT quyết định;
- b. TGĐ chịu trách nhiệm việc sử dụng nguồn vốn khấu hao cơ bản.

ĐIỀU 26: XỬ LÝ TỔN THẤT TÀI SẢN.

Tổn thất tài sản (gồm tài sản cố định và tài sản lưu động) là sự mất mát, hư hỏng, kém chất lượng hoặc giảm giá trị tài sản của công ty do các nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan. Ngay sau khi bị tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý theo quy định sau:

1. Tổng giám đốc phải thành lập Hội đồng xử lý tài sản tổn thất có trách nhiệm xem xét nguyên nhân, xác định trách nhiệm gây ra tổn thất.
2. TGĐ phải thường xuyên tổ chức kiểm tra, rà soát để nắm được những tổn thất xảy ra để được xử lý kịp thời.
3. Nếu tổn thất tài sản do lỗi chủ quan của tập thể hoặc của cá nhân gây ra thì tập thể hoặc cá nhân gây ra tổn thất phải bồi thường. Việc xử lý tài sản tổn thất phải được HĐQT hoặc TGĐ xem xét và quyết định.
4. Việc phân cấp xử lý tổn thất như thanh lý tài sản.
5. Tài sản đã mua bảo hiểm nếu bị tổn thất thì các tổ chức bảo hiểm sẽ bồi thường cho Công ty theo các điều kiện đã thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
6. Khoản chênh lệch do số tiền bồi thường tổn thất của tập thể, cá nhân hoặc các tổ chức bảo hiểm... nhỏ hơn giá trị tổn thất, số tổn thất còn lại sẽ hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ.
7. Trường hợp tổn thất tài sản do thiên tai hoặc do nguyên nhân khách quan, Công ty không thể khắc phục được thì TGĐ lập phương án trình HĐQT để báo cáo ĐHCĐ xem xét, quyết định.
8. Các trường hợp xử lý tổn thất tài sản phải có chứng từ, tài liệu hợp lý, hợp lệ chứng minh, tổng hợp và giải trình trong báo cáo tài chính hàng năm.

9. Việc xác định tổn thất đối với tài sản cố định, giá trị được xác định theo nguyên giá.

ĐIỀU 27: QUẢN LÝ CÔNG NỢ VÀ TẠM ỦNG NỘI BỘ.

1. TGĐ phải tổ chức quản lý, theo dõi, đối chiếu công nợ theo từng khoản nợ, chủ nợ, khách nợ; phân tích khả năng trả nợ, thu hồi nợ; xác định các khoản nợ luân chuyển, nợ dây dưa, khó đòi, nợ mất khả năng thanh toán; đôn đốc thu hồi nợ; chịu trách nhiệm hoàn toàn việc thanh toán nợ phải thu, phải trả trong hoặc ngoài Công ty.
2. TGĐ và KTT phải chịu trách nhiệm về các nội dung tại Công ty trước HĐQT.
3. Đối với các khoản nợ khó đòi, nợ mất khả năng thanh toán, TGĐ phải họp xử lý để xác định rõ số nợ không còn khả năng thu hồi, nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân và kiến nghị biện pháp xử lý. HĐQT quyết định phương án xử lý các khoản nợ khó đòi.
4. Các tổn thất do không thu hồi được nợ kịp thời và đầy đủ, nếu do chủ quan gây ra thì người phạm lỗi phải bồi thường, HĐQT quyết định mức bồi thường. Tùy theo mức độ vi phạm, nếu con nợ không trả hết hoặc không có khả năng trả thì người gây ra nợ không thu hồi được có thể bị xử phạt hành chính hay truy cứu trách nhiệm hình sự.
5. Chênh lệch giữa khoản nợ không thu hồi được và khoản thu do tập thể hoặc cá nhân bồi thường được hạch toán bằng các khoản nợ dự phòng công nợ khó đòi, quỹ dự trữ bắt buộc; nếu còn thiêu thì phần còn lại hạch toán vào chi phí hoạt động đồng thời phải tiếp tục theo dõi trên sổ kế toán (tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán) theo đúng quy định pháp luật hiện hành và phải thường xuyên theo dõi thu hồi. Số tiền thu được sau khi trừ chi phí thu hồi được hạch toán vào thu nhập khác.
6. Các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi được hạch toán trên đây phải theo đúng chuẩn mực kế toán hiện hành.
7. Công nợ phát sinh tại bộ phận nào sẽ do chính bộ phận đó trực tiếp theo dõi, đôn đốc thanh toán, thu hồi.
8. Công ty được quyền bán các khoản nợ phải thu cho các công ty có chức năng kinh doanh, mua bán nợ theo quy định của pháp luật gồm cả nợ phải thu trong hạn, nợ phải

thu khó đòi, nợ phải thu không đòi được để thu hồi vốn. Việc bán các khoản nợ dưới 100 triệu đồng do TGĐ quyết định; từ 100 triệu đồng đến mức dưới 50% tổng giá trị tài sản toàn công ty tại thời điểm khóa sổ của tháng gần nhất do HĐQT quyết định; trên mức này do ĐHCĐ quyết định. Giá bán là giá thỏa thuận giữa các bên.

9. Việc tạm ứng trong nội bộ công ty.

- Tạm ứng và thanh toán tạm ứng thực hiện theo quy chế tạm ứng của Công ty.

ĐIỀU 18: XÁC ĐỊNH DOANH THU, THU NHẬP.

1. Doanh thu và thu nhập của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác của Công ty.
2. Việc ghi nhận và hạch toán doanh thu, thu nhập: theo quy định của chuẩn mực kế toán hiện hành và các văn bản về thuế hiện hành.
3. Việc ghi nhận doanh thu, thu nhập nhằm mục đích kê khai, tính thuế: theo quy định hiện hành của cơ quan thuế.
4. Công ty phải tổ chức quản lý chặt chẽ doanh thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, không gây thất thoát cho công ty. Nghiêm cấm việc để doanh thu ngoài sổ sách. Mọi trường hợp làm thất thoát doanh thu, tùy theo mức độ sai phạm chủ quan hay khách quan mà tập thể hoặc cá nhân liên quan có thể chịu xử lý kỷ luật và bồi thường; trường hợp nặng có thể bị truy tố trước pháp luật. HĐQT quyết định mức kỷ luật và bồi thường .
5. TGĐ chịu trách nhiệm trước HĐQT và các cơ quan hữu quan của Nhà nước về nội dung quản lý doanh thu như trên trong phạm vi hoạt động của Công ty.

ĐIỀU 29: XÁC ĐỊNH CHI PHÍ.

1. Chi phí của Công ty bao gồm các khoản chi phí nhằm phục vụ cho:
 - a. Hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ;
 - b. Hoạt động tài chính gồm các chi phí như chi phí góp vốn liên doanh; lãi tiền vay; chi phí bán chứng khoán; chi phí kinh doanh bất động sản; chi phí hoạt động cho vay vốn; chi phí bán ngoại tệ; chiết khấu thanh toán; lỗ do thanh toán các khoản vay ngắn hạn; lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ thực tế phát sinh thực tế trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản phải thu dài hạn và phải trả dài hạn

có gốc ngoại tệ; lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; chi phí đất chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng được xác định là tiêu thụ; các khoản chi phí tài chính khác;

c. Hoạt động khác của Công ty gồm các chi phí do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của Công ty hoặc chi phí bù sót từ những năm trước. Cụ thể như chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, công cụ dụng cụ và vi phạm hợp đồng kinh tế; bị phạt thuế; các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bù sót khi ghi sổ kế toán; chi phí khắc phục thiên tai, dịch họa; các khoản chi phí khác.

2. Thời điểm ghi nhận chi phí phải ngay thời điểm chi phí phát sinh và đồng thời việc ghi nhận doanh thu theo nguyên tắc phù hợp.

3. Các khoản chi phí trả trước phải được mở sổ sách theo dõi và chỉ được ghi nhận vào chi phí theo mức phân bổ hợp lý của từng kỳ kế toán. Đến kỳ phân bổ dù không có nguồn hoặc đang bị lỗ vẫn phải phân bổ đúng định mức.

4. Các khoản chi phí phải trả chỉ được ghi nhận vào chi phí và phải ghi vào chi phí kỳ kế toán này khi:

- Nội dung là chi phí của kỳ kế toán này nhưng chưa phát sinh (ví dụ chi phí điện, nước, điện thoại tháng này nhưng đến tháng sau mới thanh toán);
- Có cơ sở xác định tương đối tin cậy.

ĐIỀU 30: QUẢN LÝ CHI PHÍ.

- Tất cả mọi cá nhân, tập thể, lãnh đạo trong Công ty có nhiệm vụ sử dụng chi phí một cách tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả cao nhất cho Công ty; có nghĩa vụ đóng góp xây dựng cơ chế quản lý, sử dụng tiết kiệm chi phí và hiệu quả. Mọi sự lãng phí hay lợi dụng vốn, tài sản của Công ty để tư lợi cá nhân đều chịu hình thức xử lý thích ứng.
- TGĐ chịu trách nhiệm quản lý, chỉ đạo việc sử dụng chi phí trong Công ty đảm bảo tính hợp lý theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản dưới luật; tính hợp lệ của chứng từ theo quy định của Nhà nước; tính tiết kiệm và hiệu quả cho Công ty; có biện pháp cụ thể chống thất thoát, lãng phí, trực lợi cá nhân; chỉ định

các đơn vị liên quan xây dựng những quy chế, định mức chi phí cần thiết để TGĐ xem xét và duyệt.

3. Mọi chi phí không hợp lý, hợp lệ, chi vượt định mức, dù bị xuất toán hay không; mọi sự lãng phí hay lợi dụng vốn và tài sản của Công ty để tư lợi cá nhân thì người liên quan trực tiếp đến khoản chi phí đó phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

4. Nghiêm cấm việc chi không, thanh toán các khoản chi không có thực hoặc không liên quan đến hoạt động của Công ty, dù có hóa đơn, chứng từ hợp lệ (ví dụ như: chi hoặc dùng phương tiện, sản phẩm, hàng hóa...của Công ty liên quan đến mục đích phúc lợi, từ thiện, quan hệ quen biết cá nhân, liên quan đến quyền lợi cá nhân...). Mọi cá nhân hoặc tập thể liên quan đến nội dung này, những người tham gia ký duyệt tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, bồi thường, trường hợp nặng có thể bị truy tố trước pháp luật.

5. Việc mua sắm mới, thay thế, sửa chữa phải có đề xuất hoặc báo hỏng của bộ phận hoặc người trực tiếp sử dụng.

6. Thủ tục chi: mọi cá nhân, tổ chức có các khoản liên quan đến việc chi phí hay ứng trước đều phải có giấy đề nghị kèm theo đầy đủ hồ sơ hợp lý, hợp lệ chuyển cho KTT Công ty xem xét, ký trước khi TGĐ duyệt.

7. Các khoản chi phí hợp lý liên quan đến thu nhập chịu thuế quy định như sau:

7.1 Chi phí khấu hao tài sản cố định.

a. Thực hiện theo văn bản hiện hành của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tài sản cố định được trích khấu hao vào chi phí hợp lý khi đáp ứng các điều kiện sau:

b. Tài sản cố định sử dụng vào hoạt động phải có đầy đủ hóa đơn, chứng từ và các giấy tờ hợp pháp chứng minh tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Công ty; tài sản cố định phải được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của Công ty theo chế độ quản lý và hạch toán kế toán hiện hành.

c. Tài sản cố định khấu hao hết giá trị nhưng vẫn tiếp tục sử dụng thì không được trích khấu hao.

d. Công trình xây dựng cơ bản hoàn thành đã đưa vào sử dụng nhưng chưa quyết toán giá trị công trình thì phải tạm ghi tăng giá trị tài sản cố định theo giá tạm tính để trích khấu hao. Sau khi nghiệm thu, bàn giao quyết toán, kiểm toán (nếu có) phải điều chỉnh giá trị tài sản cố định theo giá trị quyết toán, kiểm toán.

e. Hàng năm căn cứ các quy định về quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định của Nhà nước, căn cứ vào tình hình hoạt động, TGĐ quyết định mức khấu hao tài sản cố định.

7.2 Chi phí vật tư (bao gồm: nguyên liệu, vật liệu, năng lượng, hàng hóa sử dụng vào hoạt động) phải quản lý chặt chẽ mức tiêu hao vật tư và giá trị vật tư.

a. Mức tiêu hao vật tư: TGĐ thành lập Hội đồng định mức gồm TGĐ (làm chủ tịch Hội đồng); kế toán; kỹ thuật; người liên quan đến việc quản lý, sử dụng vật tư được định mức và các thành phần khác (nếu cần). Hội đồng này xây dựng các định mức tiêu hao vật tư của Công ty và chịu trách nhiệm ban hành tính chính xác của các định mức đó. Khi có sự bổ sung hoặc thay đổi cũng phải thực hiện theo trình tự trên.

b. Kết thúc năm, Công ty phải thực hiện quyết toán vật tư, phân tích tình hình thực hiện định mức tiêu hao vật tư. Trường hợp phát sinh thêm chênh lệch giữa mức tiêu hao vật tư thực tế so với định mức, Công ty phải phân tích xác định nguyên nhân. Nếu tiêu hao thực tế lớn hơn định mức do nguyên nhân chủ quan thì người thực hiện phải bồi thường. Tổng giám đốc quyết định mức bồi thường. Tiền bồi thường hạch toán vào thu nhập khác. Nếu mức tiêu hao thực tế thấp hơn định mức do có sáng kiến cải tiến mang lại hiệu quả (*chất lượng sản phẩm làm ra vẫn đảm bảo theo quy định*) thì người thực hiện được khen thưởng. Mức khen thưởng không vượt quá 50% giá trị vật tư tiết kiệm được trong năm (*việc chi khen thưởng tiết kiệm vật tư phải thực hiện theo đúng quy định hiện hành*). Tổng giám đốc quy định mức khen thưởng. Tiền thưởng tiết kiệm được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh. Công ty phải thường xuyên rà soát lại định mức tiêu hao vật tư nhằm không ngừng hoàn thiện hệ thống định mức đã ban hành.

7.3 Giá vật tư:



a. Khi mua hàng hóa, vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh theo phương thức cạnh tranh. Đối với những vật tư mua thường xuyên phải tìm nguồn cung ứng ổn định, ký hợp đồng định kỳ, tham mưu về giá cho TGĐ là bộ phận tài chính kế toán và các bộ phận chức năng khác liên quan.

b. Giá vật tư thực tế xuất kho được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

7.4 Chi phí công cụ dụng cụ: khi mua sắm cũng phải tuân theo quy định như đối với vật tư nói trên. Tùy theo thời gian sử dụng, giá trị công cụ dụng cụ, tình hình hoạt động có thể phân bổ vào chi phí một lần hay nhiều lần, nhưng phải đảm bảo nguyên tắc khi công cụ dụng cụ không còn sử dụng được thì việc phân bổ giá trị công cụ dụng cụ vào chi phí cũng phải hoàn tất.

7.5 Chi phí tiền lương, tiền công:

a. Các khoản phụ cấp tính chất lương, tiền công và các khoản phụ cấp, thù lao tiền ăn giữa ca: thực hiện theo quy chế tiền lương và các chế độ đối với người lao động.

b. Tiền lương và các khoản phụ cấp có tính chất tiền lương trả cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban điều hành, cán bộ phụ trách, bán chuyên trách làm công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên nếu không được tổ chức này trả lương hoặc trả một phần.

c. Tiền lương phải được quản lý chặt chẽ và chi đúng mục đích gắn với kết quả sản xuất kinh doanh trên cơ sở xác định mức lao động và đơn giá tiền lương hợp lý được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

7.6 Chi phí nghiên cứu khoa học, công nghệ; chi thưởng sáng kiến cải tiến (có mang lại hiệu quả, có tờ trình của đương sự; có ý kiến của phòng, ban thuộc lĩnh vực chuyên môn, ý kiến của phụ trách khen thưởng thi đua) chi phí đào tạo lao động theo chế độ quy định.

7.7 Chi phí Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chi phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động được tính theo quy định pháp luật.

7.8 Chi phí dịch vụ mua ngoài. Chi phí điện, nước, điện thoại, Công ty phải có quy chế quản lý, tiết kiệm đảm bảo mang lại hiệu quả kinh doanh tối đa.

7.9 Chi phí sửa chữa thường xuyên: là khoản chi phí thực tế phục vụ cho việc duy tu, sửa chữa thường xuyên tài sản cố định nhằm đảm bảo, duy trì năng lực bình thường của tài sản cố định và đảm bảo vận hành an toàn.

7.10 Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định: là chi phí thực tế cho công việc sửa chữa, thay thế phụ tùng, máy móc và thiết bị phù hợp với công nghệ hiện tại nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu.

Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ được hạch toán vào chi phí trong năm theo số thực tế phát sinh, nếu lỗ thì phân phồi một phần cho năm tiếp theo nhưng không quá hai năm tài chính. Chi phí sửa chữa lớn đối với tài sản cố định đặc thù (dây chuyền sản xuất, hệ thống máy móc điều khiển . . .) theo chu kỳ thì được trích trước chi phí sửa chữa lớn theo dự toán được duyệt vào chi phí sản xuất kinh doanh. Khi thực hiện sửa chữa lớn, nếu số thực tế chi lớn hơn số trích trước, phần chênh lệch được hạch toán vào chi phí; nếu số thực tế chi nhỏ hơn số trích trước thì hạch toán giảm chi phí trong năm.

7.11 Chi phí cho công tác đào tạo năng lực quản lý, tay nghề người lao động, chi đào tạo nâng cao cho CBCNV do Tổng giám đốc quyết định theo quy định hiện hành.

7.12 Thưởng sáng kiến cải tiến (gồm có cải tiến quản lý có lợi cho Công ty), thưởng tăng năng suất lao động, tiết kiệm vật tư, năng lượng và tiết kiệm chi phí. Mức thưởng một lần do Tổng giám đốc quyết định căn cứ vào hiệu quả công việc trên mang lại nhưng không cao hơn số tiết kiệm chi phí công việc đó mang lại trong một năm và phải công khai các quy chế thưởng (*việc chi thưởng sáng kiến, cải tiến phải thực hiện theo đúng quy định hiện hành*).

7.13 Chi phí tiếp tân, tiếp khách, hội họp, công tác phí và giao dịch theo số thực chi phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh của công ty do Tổng giám đốc quyết định.

7.14 Khoản chi về bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành.

7.15 Tiền tàu xe đi phép cho người lao động theo quy định hiện hành.

7.16 Chi bảo hộ lao động được hạch toán theo số thực chi trong phạm vi chế độ, định mức hiện hành.

7.17 Chi phí văn phòng phẩm: chỉ được mua sắm các loại văn phòng phẩm thật sự cần thiết cho công việc; phải tiết kiệm tối đa về số lượng và phẩm cấp từng loại; những loại văn phòng phẩm có giá trị sử dụng như nhau nhưng giá cả khác nhau thì không được mua loại đắt tiền; các công văn, chứng từ sử dụng trong nội bộ chỉ được sử dụng loại giấy thông thường; trưởng các bộ phận phải có chế độ quản lý chặt chẽ văn phòng phẩm của bộ phận mình; chỉ cấp phát văn phòng phẩm mới khi cái cũ đã hết hoặc không còn sử dụng được. Các bộ phận có nhu cầu văn phòng phẩm, định kỳ trưởng bộ phận lập dự trù, bộ phận hành chính tập hợp, kiểm tra, xét duyệt từng loại văn phòng phẩm đảm bảo tiết kiệm và hợp lý đồng thời dự trù chung, chuyển KTT xem xét và trình TGĐ ký duyệt.

7.18 Chi phí hoa hồng đại lý, hoa hồng môi giới, chi xúc tiến thương mại phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và được hạch toán theo số thực chi, có đủ chứng từ hợp lệ.

7.19 Chi phí thuê kiểm toán, tiền thuê dịch vụ pháp lý, tiền mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm tai nạn con người, tiền thuê thiết kế, xác lập và bảo vệ nhãn hiệu hàng hóa, thương hiệu độc quyền phải có hợp đồng và thanh lý hợp đồng.

7.20 Các khoản chi phí để có các tài sản không thuộc tài sản cố định như chi về mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, băng sáng chế, giấy phép chuyển giao công nghệ, nhãn hiệu thương mại ... được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh.

7.21 Tiền thuê tài sản cố định hoạt động theo hợp đồng thuê: trường hợp trả tiền thuê tài sản cố định [1] một lần cho nhiều năm thì tiền thuê được phân bổ dần vào chi phí hoạt động theo số năm sử dụng tài sản cố định.

7.22 Chi trả lãi tiền vay vốn của ngân hàng, các tổ chức tín dụng, các tổ chức kinh tế theo lãi suất thực tế căn cứ vào hợp đồng vay. Chi trả lãi tiền vay của các đối tượng khác theo lãi suất thực tế khi ký hợp đồng vay. Chi trả lãi tiền vay của các đối tượng khác theo lãi suất thực tế khi ký hợp đồng vay nhưng tối đa không cao hơn 20% mức lãi suất cho vay cùng thời điểm của ngân hàng thương mại có quan hệ giao dịch với cơ sở kinh doanh.

7.23 Trích các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng công nợ khó đòi, dự phòng giảm giá chứng khoán, dự phòng trợ cấp mất việc làm tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành.

7.24 Chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mãi, tiếp tân, khánh tiết, chi phí giao dịch, đối ngoại, chi hoa hồng môi giới, chi phí hội nghị và các loại chi phí khác theo số thực chi nhưng phải tuân theo quy định Pháp luật hiện hành.

7.25 Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất phải nộp có liên quan đến hoạt động bao gồm: thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu không đủ điều kiện khẩu trừ và hoàn thuế theo quy định; thuế GTGT đầu vào quá thời hạn được kê khai, khẩu trừ thuế theo quy định; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế môn bài; thuế tài nguyên; thuế sử dụng đất nông nghiệp; thuế nhà đất; tiền thuê đất; các khoản phí, lệ phí mà cơ sở kinh doanh phải nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

7.26 Chi phí hợp lý của hoạt động đầu tư tài chính, như kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu và một số hoạt động kinh doanh đặc thù khác theo văn bản hướng dẫn riêng của TGĐ.

7.27 Các khoản chi phí khác theo quy định.

8. Các khoản chi không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp:

Các khoản chi phí không được tính vào chi phí khi xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp được xác định theo quy định hiện hành của pháp luật.

ĐIỀU 31: PHÂN CẤP THẨM QUYỀN DUYỆT CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN.

1. Các vấn đề trong lĩnh vực tài chính kế toán sẽ do HĐQT quy định cho TGĐ ký và chịu trách nhiệm.
2. TGĐ tổ chức chỉ đạo thực hiện công tác lập định mức chi phí, dự toán và ký hợp đồng kinh tế thực hiện.

ĐIỀU 32: LỢI NHUẬN.

1. Lợi nhuận thực hiện cả năm là kết quả kinh doanh của Công ty, bao gồm lợi nhuận hoạt động kinh doanh và các lợi nhuận khác.

2. Lợi nhuận hoạt động kinh doanh gồm lợi nhuận bán hàng, cung cấp dịch vụ và lợi nhuận hoạt động tài chính.
 - a. Lợi nhuận bán hàng và cung cấp dịch vụ là khoảng chênh lệch giữa doanh thu trừ đi giá thành của toàn bộ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ và thuế theo quy định của pháp luật (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp).
 - b. Lợi nhuận hoạt động tài chính chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính trừ chi phí tài chính và thuế theo quy định của pháp luật (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp).
3. Lợi nhuận khác là chênh lệch giữa thu nhập khác trừ đi chi phí khác và thuế theo quy định của pháp luật (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp).

ĐIỀU 33: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.

1. Lợi nhuận thực hiện trong cả năm của Công ty được phân phối theo thứ tự như sau:
 - a. Trừ số lỗ của các kỳ tính thuế trước chuyển sang (nếu có) theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính;
 - b. Trừ các khoản tiền phạt vi phạm chế độ đăng ký kinh doanh, phạt vay nợ quá hạn, phạt vi phạm chế độ kế toán thống kê, phạt vi phạm hành chính về thuế và các khoản phạt khác;
 - c. Trừ các khoản chi phí hợp lệ thực tế đã chi nhưng không được tính khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
 - d. Chia lãi cho các đối tác góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu có);
2. Số lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản trên được phân phối như sau:
 - a. Quỹ đầu tư phát triển: Dùng để đầu tư phát triển kinh doanh kể cả trường hợp liên doanh; góp vốn cổ phần mua cổ phiếu; đổi mới máy móc, thiết bị; dây chuyền công nghệ; nghiên cứu áp dụng tiến bộ khoa học; kỹ thuật; trợ giúp thêm cho việc đào tạo nâng cao tay nghề và điều kiện làm việc trong doanh nghiệp;
 - b. Quỹ khen thưởng (bao gồm Cán bộ công nhân viên và Ban điều hành): dùng để thưởng định kỳ, đột xuất cho cá nhân hoặc tập thể trong hoặc ngoài Công ty do thành tích đóng góp. Việc chi quỹ này theo quy chế khen thưởng của Công ty. Mức chi cho

cá nhân, tập thể trong Công ty do TGĐ quyết định. Riêng việc thưởng cho tập thể hoặc cá nhân ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh và công tác quản lý của Công ty do TGĐ đề xuất, HĐQT phê duyệt;

c. Quỹ phúc lợi: dùng để chi cho mục đích phúc lợi tập thể công nhân viên; phúc lợi xã hội; trợ cấp khó khăn cho người lao động đang làm việc hoặc đã về hưu, mất sức lâm vào hoàn cảnh khó khăn, chi cho các hoạt động thể thao văn hoá ...

d. Tổng giám đốc có trách nhiệm ban hành các quy định cụ thể về việc quản lý, sử dụng quỹ phúc lợi. Việc sử dụng quỹ phúc lợi do Tổng giám đốc quyết định sau khi có ý kiến thống nhất của Công đoàn công ty.

e. Khen thưởng Ban điều hành, HĐQT, Ban Kiểm soát: Được sử dụng để thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng công ty. Mức thưởng do Hội đồng quản trị quyết định gắn với các tiêu chí đánh giá các chức danh này và hiệu quả hoạt động của Công ty, trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc.

f. Trong các quỹ nói trên; trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi chủ yếu dành cho người lao động trong Công ty, còn lại các quỹ khác thuộc sở hữu của cổ đông, để phục vụ cho nhu cầu kinh doanh và đầu tư;

g. Chia lãi cổ phần: Chi trả cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ góp vốn.

3. Trên cơ sở phương án trích lập và sử dụng các quỹ được ĐHCĐ thông qua. Tổng giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo Quy chế này và quy định hiện hành của pháp luật.

ĐIỀU 34: XỬ LÝ KINH DOANH THUA LỖ.

1. Công ty khi kết thúc năm tài chính bị lỗ do chủ quan, thiếu tinh thần trách nhiệm thì cá nhân hoặc tập thể có liên quan phải tự nộp tiền vào quỹ của chính Công ty để bù lỗ và được ghi vào thu nhập hoạt động khác. Việc nộp tiền bù lỗ phải bắt buộc thực hiện vào cuối mỗi quý trong năm nếu Công ty có kết quả kinh doanh luỹ kế cuối quý bị lỗ.

2. Tổng giám đốc có trách nhiệm thành lập hội đồng có sự tham gia của Ban chấp hành Công đoàn công ty xem xét, đánh giá mức độ tổn thất, thiệt hại do hành vi chủ

quan, thiếu trách nhiệm gây ra lỗi cho Công ty để đưa ra mức bồi thường trình HĐQT quyết định.

3. Nếu tập thể (hoặc cá nhân) gây lỗi mà không nộp tiền bù lỗi thì tùy trường hợp có thể xử lý kỷ luật nội bộ như cách chức, hoặc đưa ra pháp luật xét xử nếu có hành vi vi phạm pháp luật. Việc quyết định xử lý do HĐQT quyết định.
4. Trường hợp đặc biệt khi nộp tiền bù lỗi rồi nhưng toàn Công ty vẫn lỗi hoặc thiệt hại tổn thất không do lỗi chủ quan của người quản lý thì TGĐ báo cáo HĐQT trình ĐHCĐ quyết định.
5. TGĐ, HĐQT phải trình các phương án khắc phục lỗi để ĐHCĐ quyết định.

ĐIỀU 35: TRẢ CỔ TỨC.

1. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, thực hiện việc phân phối lợi nhuận. Khi tiến hành chi trả số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm được vấn đề thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản đến hạn phải trả;
2. Không được chia lợi nhuận hay trả cổ tức trên lãi do chênh lệch tỉ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm tài chính của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.
3. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
4. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
5. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản

theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

7. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

CHƯƠNG IV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.

ĐIỀU 36: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2019 thay thế các quy chế tài chính trước đây.
2. Các nội dung khác có liên quan đến Tài chính – Kế toán – Kiểm toán không quy định trong quy chế này sẽ được thực hiện theo Pháp luật hiện hành của Nhà nước.
3. Các phòng, ban, bộ phận và các cán bộ, nhân viên trong Công ty có trách nhiệm tuân thủ các nội dung được quy định tại Quy chế này.
4. Những nội dung quy định trong Quy chế này được xây dựng phù với các văn bản pháp luật nhà nước hiện hành trong trường hợp văn bản pháp luật Nhà nước có thay đổi thì thực hiện theo các quy định trong các văn bản Pháp luật Nhà nước đó.
5. Trong quá trình thực hiện, nếu xảy ra những vấn đề mới, CBCNV, các Trưởng bộ phận trong Công ty có trách nhiệm đề xuất với Tổng giám đốc Công ty xem xét, sau khi xem xét thấy hợp lý Tổng giám đốc đề nghị Hội đồng Quản trị Công ty bổ sung, sửa đổi cho phù hợp.

Đồng Nai, ngày 26 tháng 10 năm 2019.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.
CHỦ TỊCH HĐQT.



Nguyễn Đức Hiệp

